

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN K C

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH HUNG YÊN

Số: 25/2022/QĐST-HNGĐ

K C, ngày 03 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN

THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 257/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc “Hôn nhân và gia đình”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đ H, sinh năm 1979.

Quê quán, HKTT và hiện trú tại: Thôn B S 3, xã T D, huyện K C, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Chị Lê T T, sinh năm 1983.

Quê quán, hiện ở: Thôn V Q, thị trấn K C, huyện K C, tỉnh Hưng Yên; HKTT: Thôn B S3, xã T D, huyện K C, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn T T N, sinh ngày 02/02/2010.

Địa chỉ: Thôn V Q, thị trấn K C, huyện K C, tỉnh Hưng Yên

Người giám hộ cho cháu Nguyễn T T N là anh Nguyễn Đ H và chị Lê T T.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của BLTTDS năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23/02/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã H.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Đ H và chị Lê T T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh H và chị T có 01 con chung, cháu tên là Nguyễn T T N, sinh ngày 02/02/2010 và hiện cháu đang sống cùng chị T. Khi ly hôn anh H và chị T thống nhất: Giao cháu Nguyễn T T N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 23/02/2022 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên thống nhất anh H đóng góp cấp dưỡng hàng tháng nuôi cháu N cho chị T hàng tháng là 1.000.000đ/01 tháng (một triệu đồng trên một tháng) kể từ ngày 31/3/2022 (dương lịch) cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Khi án có hiệu lực, chị T có yêu cầu thi hành án nếu anh H chậm trả tiền thì anh H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

2.2. Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp và công sức đóng góp xây dựng của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Anh H và chị T đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

2.3. Về án phí:

- *Án phí ly hôn sơ thẩm:* Anh H và chị T thống nhất để anh H nộp cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- *Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh H phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo biên lai thu số: 0007573 ngày 08/11/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã T D;
- CCTHADS huyện KC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

PHẠM VĂN HUẤN